

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 65/2018/HS-ST

Ngày: 17-4-2018.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Thái.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Tiến Thịnh

Ông Hoàng Văn Đức

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Tiến Thành - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:

Bà Vũ Thị Lan Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 57/2018/HSST ngày 02 tháng 4 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2018/QĐXXST-HS ngày 04/4/2018, đối với bị cáo:

Vũ Đức V, sinh ngày 05 tháng 10 năm 1987; tại Thái Bình; nơi cư trú: Thôn T, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 09/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Vũ Đức P và bà Phạm Thị L; Gia đình bị cáo có hai anh em, bị cáo là con lớn; có vợ: Lò Thị M, sinh năm 1992; có 02 con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Bản án số 115/HSST ngày 18/9/2009, Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xử phạt Vũ Đức V 30 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (thời hạn tù tính từ ngày 08/8/2008); V phải bồi thường cho người bị hại và hoàn trả người liên quan tổng số tiền là 14.553.000 đồng và 02 USD; phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự tổng số tiền là 750.000 đồng; bị cáo chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 08/02/2011; chấp hành xong phần án phí 750.000 đồng vào ngày 06/01/2011;

phần bồi thường công dân không có đơn yêu cầu, đề nghị thi hành án. Bản án số 117/HSST ngày 10/8/2011, Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xử phạt Vũ Đức V 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” (thời hạn tù tính từ ngày 19/5/2011); V phải bồi thường cho người bị hại và hoàn trả người liên quan tổng số tiền là 16.400.000 đồng; phải nộp sung công quỹ nhà nước 30.000 đồng; phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự tổng số tiền là 1.020.000 đồng; bị cáo chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 19/3/2014; chấp hành xong phần án phí và sung công vào ngày 16/9/2011; phần bồi thường công dân không có đơn yêu cầu, đề nghị thi hành án. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 21/12/2017 đến ngày 30/12/2017 chuyển tạm giam cho đến nay; Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thành phố T; Bị cáo bị trích xuất, có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* 1. Chị Cao Thị O, sinh năm 1973, trú tại thôn K, xã L, thành phố T, tỉnh Thái Bình (vắng mặt).

2. Chị Phạm Thị L, sinh năm 1972, trú tại tổ 37, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Bình (có mặt).

3. Chị Trần Thị Thanh H, sinh năm 1979, trú tại thôn A, xã S, huyện K, tỉnh Thái Bình (vắng mặt).

4. Chị Lê Thị H, sinh năm 1982, trú tại tổ 27, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Bình (vắng mặt).

5. Anh Phạm Anh Đ, sinh năm 1976, trú tại tổ 05, phường B, thành phố T, tỉnh Thái Bình (vắng mặt).

6. Ông Bùi Văn T, sinh năm 1964, trú tại thôn C, xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1949, trú tại tổ 05, phường B, thành phố T, tỉnh Thái Bình (vắng mặt).

2. Chị Đoàn Thị H, sinh năm 1985, trú tại thôn T, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình (vắng mặt).

3. Anh Nguyễn Thế B, sinh năm 1979, trú tại tổ 12A, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Bình (vắng mặt).

4. Chị Bùi Thị X, sinh năm 1990, trú tại tổ 31, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Bình (vắng mặt).

5. Ông Ngô Văn N, sinh năm 1965, trú tại tổ 30, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Bình (vắng mặt).

6. Chị Lò Thị M, sinh năm 1992, trú tại thôn T, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình (vắng mặt).

7. Ông Nguyễn Hồng P, sinh năm 1966, trú tại tổ 37, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Bình (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên Vũ Đức V đã nảy sinh ý định tìm sơ hở của chủ tài sản, đột nhập vào nhà trộm cắp tài sản. Trong khoảng thời gian từ ngày 15/4/2016 đến ngày 21/12/2017, Vũ Đức V một mình thực hiện 06 vụ trộm cắp tài sản, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 8 giờ ngày 15/4/2016, V điều khiển xe máy kiểu dáng xe Dream màu nâu, biển số 21V9-2361, đi lang thang trên địa bàn thành phố T, khi đi qua ngõ 982, thuộc tổ 27, phường P, thành phố T thì V phát hiện nhà chị Lê Thị H cửa chính và cổng đều khóa bên ngoài, V liền dừng xe tại bãi đất trống cách nhà chị H khoảng 50 mét rồi trèo lên tầng 2 theo cửa ban công mở, đi vào trong nhà. Tiến lại gần chiếc tủ đứng (loại tủ có gương), kê ở cạnh một chiếc giá để sách. V lục tìm và lấy được 01 phong bì thư màu đỏ bên trong có 1.000 USD (đô la Mỹ); 01 chiếc lắc bằng vàng tây, mặt đẹp, dạng móc xích; lục tìm chiếc túi xách bên trong tủ lấy được 5.000.000 đồng; trên giá để sách 02 sợi dây chuyền bạc (dạng dây móc xích dài khoảng 30 cm, mặt đẹp, trọng lượng 03 chỉ). V cất giấu toàn bộ số tài sản nêu trên vào trong túi áo, rồi đi xuống tầng 1, theo lối cửa lách phía sau ra ngoài. Sau đó V đi đến cửa hàng vàng bạc của do anh Ngô Văn N bán cho anh N gồm: 1000 USD (đô la Mỹ) được số tiền 22.200.000 đồng; 01 chiếc lắc vàng tây, dạng móc xích được 800.000 đồng; 02 sợi dây chuyền bạc được 250.000 đồng. Số tiền trên V tiêu xài cá nhân hết. Tổng giá trị tài sản V trộm cắp của chị H được xác định là 32.200.000 đồng.

Vụ thứ hai: Chiều ngày 14/3/2017, cũng với thủ đoạn và phương tiện phạm tội như trên, V lang thang qua nhà bà Nguyễn Thị K phát hiện thấy cửa ngoài khóa, trong không có người nên V trèo lên ban công tầng 2 dùng hai tay giật mạnh cửa nhiều lần cho đến khi khóa cửa bung ra rồi đi vào lục tìm tài sản nhưng không trộm cắp được tài sản gì. V trèo từ tầng 3 nhà bà K sang nhà của anh Phạm Anh Đ (nhà bà K và nhà anh Đ liền kề nhau), tầng 3 nhà anh Đ có ô cửa kính, V đã lấy chiếc then cửa bằng sắt (chiếc then cửa là của nhà bà K) đập vỡ ô cửa kính rồi thò tay kéo chiếc then cài cửa phía bên trong đi vào nhà anh Đ. V lục tìm bên trong túi áo Veston treo trong tủ lấy được số tiền 18.000.000 đồng (gồm các tờ tiền mệnh giá 100, 200; 500 nghìn đồng). V cất giấu số tiền trộm cắp được vào túi quần đang mặc rồi đi ra ngoài. Số tiền trộm cắp được V đã tiêu xài cá nhân hết.

Vụ thứ ba: Khoảng 08 giờ ngày 31/7/2017, V điều khiển xe máy lang thang ở khu vực nhà ông Bùi Văn T phát hiện cửa khóa ngoài, trong nhà không

có người, V đã trèo qua tường vào sân phía sau lấy được 01 chiếc chày bằng gỗ, dài khoảng 35cm, đường kính đoạn to nhất khoảng 16cm ở sân nhà ông T. V đã dùng chiếc chày đập vỡ ô cửa kính mở chốt cửa đi vào trong nhà, lục tìm bên trong chiếc hộp để ở tủ đựng quần áo, lấy được số tiền 13.000.000 đồng (gồm các tờ tiền mệnh giá 50, 100, 200; 500 nghìn đồng). V cất giấu số tiền trộm cắp được vào túi quần bên phải đang mặc rồi đi ra ngoài. Số tiền trộm cắp được V đã tiêu xài cá nhân hết.

Vụ thứ tư: Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 14/9/2017, V điều khiển xe máy đi đến khu vực nhà chị Cao Thị O phát hiện thấy cửa nhà chị O khóa ngoài, trong nhà không có người nên V đã lấy từ trong cốp xe ra một chiếc kim bằng kim loại (loại kim bấm, có cán bằng nhựa màu vàng đen) rồi trèo vào ban công tầng 2 nhà chị O. V dùng chiếc kim đập vỡ ô cửa kính mở cửa đi vào trong nhà, tiến đến chiếc tủ đựng quần áo và lấy được 47.000.000 đồng. Sau đó V lên mái nhà dùng kim cắt đứt lưới B40 để thoát ra ngoài. Số tiền trộm cắp được V đã tiêu xài cá nhân hết.

Vụ thứ năm: Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 27/11/2017, Vùng điều khiển xe máy đi đến khu vực nhà chị Phạm Thị L phát hiện nhà chị L cửa và cổng khóa bên ngoài. V nhặt được một chiếc xà cày (bằng kim loại, dài khoảng 70cm) ở nhà bên cạnh đang xây dựng rồi trèo lên tầng 3 nhà chị L, dùng chiếc xà cày phá chốt cửa, đi vào bên trong nhà lục tìm tài sản và lấy được 4.800.000 đồng (số tiền để trong cuốn sổ để ở đầu giường ngủ). Sau đó V tiếp tục đi sang phòng ngủ bên cạnh lấy được 01 sợi dây chuyền vàng tây (hình dẹt, có trọng lượng khoảng 4,5 chỉ) và một sợi dây chuyền bạc khoảng 1,5 chỉ. V tiếp tục lục tìm bên trong chiếc túi xách giả da màu trắng để ở tủ đựng quần áo lấy được 01 sợi dây chuyền bằng vàng 9999 (24K) trọng lượng 05 chỉ; và 01 sợi dây chuyền vàng 24K có mặt bằng vàng 24K hình trái tim (trọng lượng 05 chỉ); 02 chiếc nhẫn bằng kim loại mạ vàng (một chiếc hình hoa văn, một chiếc có mặt đá); 01 chiếc lắc đeo tay bằng kim loại màu vàng, hình tròn, có hình hoa văn, dạng đá màu xanh. V đã cất giấu toàn bộ số tài sản trên vào túi áo đang mặc rồi đi theo lối cũ ra ngoài. V đến cửa hàng vàng bạc G ở tổ 12A, phường P, thành phố T bán sợi dây chuyền vàng 9999 có mặt bằng vàng hình trái tim được 6.500.000 đồng. V tiếp tục mang sợi dây chuyền vàng tây đến cửa hàng vàng bạc D bán cho chị Bùi Thị X lấy 2.200.000 đồng. Sau đó trên đường đi về nhà qua khu vực đường S2 thuộc thôn T, xã V, thành phố T, V lấy hai chiếc nhẫn màu vàng trộm cắp được ra mài xuống đường kiểm tra, thấy mặt lớp mạ vàng bị mất đi, nghĩ là đồ mỹ ký nên V đã vất 02 chiếc nhẫn xuống ruộng (Cơ quan điều tra không thu hồi được tài sản). Tối ngày 28/11/2017, V mang 01 sợi dây chuyền vàng 24K trọng lượng 4,99 chỉ đến cửa hàng vàng bạc đá quý K bán cho chị Đoàn Thị H (chủ cửa hàng) lấy số tiền 17.200.000 đồng. Sau đó V dùng số tiền 1.900.000 đồng từ tiền bán sợi dây chuyền vàng để mua 01 sợi dây chuyền vàng tây đem

về nhà đưa cho vợ đeo. Khoảng một tuần sau V mang 01 sợi dây chuyền bạc còn lại sang huyện X, tỉnh N bán lấy 200.000 đồng. Số tiền trộm cắp được V đã tiêu xài cá nhân hết. Tổng giá trị tài sản mà V trộm cắp xác định được là 43.617.500 đồng. Ngoài số tài sản mà Vũ Đức V khai nhận đã trộm cắp của gia đình chị L như nêu trên, thì chị L còn khai bị mất thêm 01 cây vàng SJC và 01 đôi hoa tai bằng vàng tây, kiểu dáng hình thoi.

Vụ thứ sáu: Khoảng 8 giờ 30 phút ngày 21/12/2017, V điều khiển xe máy đi lang thang đến khu vực nhà chị Trần Thị Thanh H phát hiện thấy cửa khóa bên ngoài, trong nhà không có người, V đi lại phía sau nhà chị H, dùng chiếc mỏ lết bằng kim loại màu trắng, dài 25 cm, mang sẵn từ trước bẻ gãy xiên hoa sắt cửa sổ, rồi chui vào trong nhà. V lục tìm bên trong chiếc tủ đứng lấy được số tiền 20.000.000 đồng; 01 chiếc nhẫn vàng 9999, trọng lượng 02 chỉ (có mặt hình con nghê màu đỏ); 01 chiếc nhẫn bằng bạc trọng lượng 01 chỉ (có mặt hình con cóc); 01 chiếc nhẫn bạc trọng lượng 01 chỉ (có mặt hình con tì hiu màu xanh); 03 chiếc nhẫn vàng tây hình tròn; 01 lắc đeo chân mỹ kí, mạ màu vàng; 01 mặt dây chuyền bằng mỹ kí, màu trắng. V cất giấu toàn bộ số tài sản trên vào túi áo đang mặc, rồi đi ra ngoài theo lối cũ. Tổng giá trị tài sản mà V trộm cắp xác định được là 29.953.000 đồng.

Khoảng 09 giờ ngày 21/12/2017 trong quá trình tuần tra kiểm soát trên địa bàn phường P, thành phố T, tổ công tác Công an thành phố T phát hiện Vũ Đức V có biểu hiện nghi vấn liên quan đến hoạt động phạm tội. Tổ công tác đã tiến hành kiểm tra hành chính và đưa V về trụ sở Công an thành phố T làm việc. Tại cơ quan điều tra Vũ Đức V đã tự nguyện khai báo hành vi vi phạm của bản thân như đã nêu trên.

Ngày 21/12/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T đã ra lệnh khám xét khẩn cấp nơi ở của Vũ Đức V tại thôn T, xã V, thành phố T. Kết quả khám xét đã thu giữ trên mặt bàn uống nước 01 chiếc lắc tay bằng kim loại màu vàng, hình tròn, có hình hoa văn, có bọc dạng đá màu xanh.

Công văn số 03/AJC/CV-KD của Công ty vàng Agribank ngày 24/01/2018: Vòng mỹ ký – không có giá trị; 01 dây chuyền vàng (trọng lượng 0,938 chỉ có tuổi vàng là 41,86%) có giá là 1.645.000 đồng.

Công văn số 04/AJC/CV-KD của Công ty vàng Agribank ngày 24/01/2018: Một dây và lắc mỹ ký – không có giá trị; 02 nhẫn bạc (trọng lượng 02 chỉ) có giá là 80.000 đồng; 01 nhẫn vàng ta (trọng lượng 02 chỉ; tuổi vàng 97,98%) có giá là 6.984.000 đồng; 01 nhẫn vàng tây (trọng lượng 0,618 chỉ; tuổi vàng 56,41%) có giá là 1.213.000 đồng; 01 nhẫn vàng tây (trọng lượng 0,358 chỉ; tuổi vàng 45,47%) có giá là 719.000 đồng; 01 nhẫn vàng tây (trọng lượng 0,618 chỉ; tuổi vàng 56,41%) có giá là 1.213.000 đồng 01 dây chuyền vàng (trọng lượng 0,454 chỉ có tuổi vàng là 60,62%) có giá là 957.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 08/KLDG – CATP ngày 05/3/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự kết luận: Tổng giá trị tài sản theo đề nghị của cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố T tại Quyết định số 14 ngày 28/02/2018 là: 13.180.000 đồng (trong đó, trị giá: 01 chiếc vòng đeo tay là 200.000 đồng; 01 chiếc nhẫn có mặt nhẫn hình hoa văn là 150.000 đồng; 01 chiếc nhẫn có mặt dạng đá là 200.000 đồng; 02 chiếc dây chuyền làm bằng kim loại bạc, dài khoảng 30cm trọng lượng 03 chỉ là 420.000 đồng; 01 dây chuyền làm bằng kim loại bạc dài khoảng 30 cm, trọng lượng khoảng 3 chỉ là 210.000 đồng; 01 dây chuyền làm bằng vàng tây là 7.500.000 đồng; 01 lắc đeo chân làm bằng vàng tây 4.500.000 đồng).

Tại biên bản làm việc ngày 26/12/2017 tại chi nhánh công ty vàng bạc Agribank chi nhánh Thái Bình xác định:

+ Tỷ giá mua vào, bán ra của vàng 9999, 24K ngày 27/11/2017 như sau: Giá mua vào là 3.530.000 đồng/01 chỉ; giá bán ra là 3.595.000 đồng/01 chỉ.

+ Vàng tây phải xác định được hàm lượng vàng bao nhiêu % hoặc bao nhiêu tuổi vàng từ đó mới tính toán được tỉ giá vàng; đối với vàng tây loại 50% (5 tuổi) giá vàng mua vào là 1.765.000 đồng/01 chỉ; giá bán ra tương đương là 1.797.000 đồng.

+ Đối với vàng tây loại 60% (6 tuổi) giá mua vào là 2.118.000 đồng/01 chỉ; giá bán ra là 2.157.000 đồng.

+ Đối với vàng tây loại 70% (7 tuổi) giá mua vào là 2.471.000 đồng/01 chỉ; giá bán ra là 2.516.000 đồng.

Thông báo số 561 ngày 15/4/2016 của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển thôn chi nhánh Thái Bình thông báo tỉ giá ngoại tệ ngày 15/4/2016 (loại USD): giá mua bán với chi nhánh là 22.280 đồng/01 USD.

Cáo trạng số 66/CT-VKSNDTPTB ngày 02/4/2018 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình truy tố Vũ Đức V về tội: "Trộm cắp tài sản" theo điểm e khoản 2 điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

Tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình giữ nguyên truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử :

- Về hình phạt: Áp dụng điểm e khoản 2 điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999; điều 38; điều 50; điểm r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015: Đề nghị xử phạt bị cáo Vũ Đức V mức án tù 05 năm 06 tháng đến 06 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 21/12/2017.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điều 46, 48 Bộ luật Hình sự năm 2015; điều 584; điều 585; điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015:

+ Chấp nhận sự thỏa thuận của bị cáo và chị Phạm Thị L: Bị cáo bồi thường cho chị Phạm Thị L 01 sợi dây chuyền bằng vàng tây dài khoảng 25cm, trọng lượng 0,938 chỉ, trị giá 1.645.000đ.

+ Buộc bị cáo phải bồi thường cho chị Lê Thị H số tiền 32.200.000 đồng; anh Phạm Anh Đ số tiền 18.000.000 đồng; ông Bùi Văn T số tiền 13.000.000 đồng; chị Cao Thị O số tiền 47.000.000 đồng; chị Phạm Thị L số tiền 41.772.500 đồng.

+ Đối với số tài sản bị cáo trộm cắp của chị Trần Thị Thanh H (có tổng trị giá là 29.953.000 đồng), cơ quan điều tra đã thu hồi được toàn bộ số tài sản trên và trả lại cho chị H, chị H đã nhận lại tài sản, không có ý kiến đề nghị gì nên không đặt ra giải quyết.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng điều 47, 48 Bộ luật Hình sự năm 2015; điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015:

+ Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc mỏ lết bằng kim loại màu trắng, dài khoảng 25 cm, phần tay cầm có bọc nhựa màu đỏ, thân tay cầm có dòng chữ USA YETI TOOLS; 01 chiếc kim bấm, bằng kim loại màu vàng, có cán cầm bằng nhựa màu vàng (đều đã qua sử dụng).

+ Trả lại bị cáo 01 thẻ căn cước công dân mang tên Vũ Đức V.

+ Trả lại bị cáo 01 chiếc ví giả da màu đen, loại ví nam, hình chữ nhật và số tiền 1.240.000 đồng nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo việc thi hành án.

+ Trả lại cho chị Phạm Thị L 01 chiếc lắc tay hình tròn (đường kính khoảng 5cm bằng kim loại màu vàng, có hình hoa văn, thân có bọc dạng đá màu xanh) đã qua sử dụng.

+ Chấp nhận việc Cơ quan điều tra tách 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Dream màu nâu, biển số 21V9-2361 thu giữ của bị cáo để tiếp tục điều tra, xác minh, xử lý sau.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định.

Bị cáo đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình đã truy tố và không có tranh luận gì.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo rất ân hận về hành vi phạm tội của mình, đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Bình và Điều tra viên; của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục, đúng thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Vì vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là đúng quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Vũ Đức V đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã khai tại cơ quan điều tra. Lời khai nhận tội của bị cáo được chứng minh bởi các chứng cứ khác như: Đơn trình báo và biên bản ghi lời khai của những người bị hại: Chị Cao Thị O (bút lục số 163; 167 - 172); chị Phạm Thị L (bút lục số 174 - 175; 181 - 186); chị Trần Thị Thanh H (bút lục số 195; 197 - 201); Lê Thị H (bút lục số 133; 135 - 137A); anh Phạm Anh Đ (bút lục số 143 - 147) và ông Bùi Văn T (bút lục số 150 - 154; 160 - 162A); biên bản kiểm tra hành chính hồi 09 giờ ngày 21/12/2017 tại Công an phường P, thành phố T (bút lục số 60); biên bản kiểm tra xe máy hồi 09 giờ 30 phút ngày 21/12/2017 tại Công an phường P, thành phố T (bút lục số 61); biên bản khám xét hồi 14 giờ 15 phút ngày 21/12/2017 tại nhà ở của Vũ Đức V (bút lục số 23-24); các biên bản quản lý đồ vật, tài liệu, vật chứng (bút lục số 62, 77); các biên bản niêm phong vật chứng (bút lục 63-64); biên bản định giá tài sản, bản kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự thành phố T (bút lục số 102); công văn số 03, 04 ngày 24/01/2018; biên bản làm việc ngày 26/12/2017 (bút lục số 110, 112, 117); thông báo tỉ giá ngoại tệ của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh Thái Bình ngày 15/4/2016 (bút lục số 111); các biên bản khám nghiệm hiện trường; sơ đồ hiện trường (bút lục số 164-166, 176-180); các biên bản xác định địa điểm, hiện trường - nơi tội phạm xảy ra và địa điểm tiêu thụ tài sản (bút lục số 65 - 68; 70; 72); biên bản đối chất hồi 15 giờ 40 ngày 12/3/2018 tại nhà tạm giữ công an thành phố Thái Bình (bút lục số 309 - 310); biên bản ghi lời khai của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị K (bút lục số 148 - 149); chị Đoàn Thị H; anh Nguyễn Thế B; chị Bùi Thị X; ông Ngô Văn N; chị Lò Thị M (bút lục số 211 - 225); cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[3] Xét thấy lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp với các chứng cứ khác về thời gian, địa điểm, hành vi phạm tội, loại tài sản bị cáo đã chiếm đoạt. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ ngày 15/4/2016 đến ngày 21/12/2017, Vũ Đức V đã 06 lần thực hiện hành vi đột nhập vào các gia đình không có người ở nhà để trộm cắp tài sản. Cụ thể: trộm cắp của gia đình chị Cao Thị O; chị Phạm Thị L; chị Trần Thị Thanh H; chị Lê Thị H; anh Phạm Anh Đ và ông Bùi Văn T lấy được số tài sản trị giá 183.770.500 đồng. Vì vậy, bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm e khoản 2 điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình đã truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999: Tội “Trộm cắp tài sản”: “1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc bị phạt tù từ sáu tháng đến ba năm; 2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm: a) Có tổ chức; ...e) Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm mươi triệu đồng đến dưới hai trăm triệu đồng; ...”

[4] Xét tính chất mức độ hậu quả hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự, an ninh xã hội, gây tâm lý hoang mang lo lắng cho các chủ tài sản trong việc bảo quản tài sản của mình. Xét nhân thân của bị cáo thì thấy: Bị cáo Vũ Đức V có nhân thân xấu, đã hai lần vào các năm 2009 và 2011 bị Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình xử phạt tù đều về tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo có sức khỏe, có nhận thức pháp luật và xã hội nhất định, tuy nhiên do lười lao động, thiếu ý thức tôn trọng, chấp hành pháp luật, thiếu sự rèn luyện, tu dưỡng bản thân, muốn hưởng lợi bất chính trên tài sản của người khác nên đã phạm tội. Vì vậy, cần phải xử phạt bị cáo mức án tương xứng với hành vi, phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo và cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo nói riêng và góp phần đấu tranh phòng ngừa tội phạm nói chung. Bị cáo đã 06 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015. Trong quá trình điều tra vụ án và tại phiên toà hôm nay, bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo đã tự thú hành vi phạm tội của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định điểm s, r khoản 1 điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Đối với số tài sản bị cáo V trộm cắp được của chị Lê Thị H, Cơ quan điều tra không thu hồi được bao gồm 1.000 USD (đô la

Mỹ); 5.000.000 đồng tiền mặt và các tài sản khác được định giá là 5.000.000 đồng (tổng là 32.200.000 đồng). Bị hại là chị H yêu cầu bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường toàn bộ số tiền trên, xét thấy yêu cầu của chị H là phù hợp và đúng với các quy định của pháp luật nên cần buộc bị cáo phải bồi thường; đối với số tài sản là tiền mặt bị cáo V trộm cắp được của những bị hại là anh Phạm Anh Đ (số tiền 18.000.000 đồng); ông Bùi Văn T (13.000.000 đồng); chị Cao Thị O (47.000.000 đồng) bị cáo đã tiêu xài cá nhân hết, những bị hại yêu cầu bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường toàn bộ số tiền trên, xét thấy yêu cầu của những bị hại là phù hợp và đúng với các quy định của pháp luật nên cần buộc bị cáo phải bồi thường; đối với số tài sản bị cáo V trộm cắp được của chị Phạm Thị L (gồm tiền mặt; vàng, bạc và mỹ ký), V đã bán và tiêu xài cá nhân hết; tổng trị giá xác định và theo định giá là 43.617.500 đồng; Cơ quan điều tra đã quản lý được 01 chiếc lắc tay hình tròn (đường kính khoảng 5cm bằng kim loại màu vàng, có hình hoa văn, thân có bọc dạng đá màu xanh) đã qua sử dụng (*chiếc vòng có trị giá là 200.000 đồng*); chị L yêu cầu bị cáo V phải có trách nhiệm bồi thường cho chị toàn bộ số tài sản do bị cáo đã trộm cắp nhưng không thu hồi được theo kết luận định giá xét thấy là phù hợp nên cần buộc bị cáo phải bồi thường (gồm: hoàn trả lại cho chị L chiếc lắc tay hình tròn – có đặc điểm như biên bản quản lý và số tiền 43.417.500 đồng). Tại phiên tòa, chị L đồng ý nhận 01 chiếc dây chuyền bằng vàng tây dài 25cm, trọng lượng 0,938 chỉ, trị giá 1.645.000đ do bị cáo bồi thường, bị cáo còn phải bồi thường cho chị L 41.772.500đ. Ngoài số tài sản trên, chị Phạm Thị L khai báo vào ngày 21/11/2017, chị còn bị mất tài sản là 01 cây vàng SJC và 01 đôi hoa tai bằng vàng tây, kiểu dáng hình thoi. Quá trình điều tra không xác định được việc V đã chiếm đoạt được số tài sản này của chị L nên không có đủ cơ sở kết luận và xác định trách nhiệm dân sự đối với bị cáo V; đối với số tài sản bị cáo V trộm cắp được của chị Trần Thị Thanh H (có tổng trị giá là 29. 953.000 đồng), Cơ quan điều tra đã thu hồi được toàn bộ số tài sản trên và trả lại cho chị H, chị H đã nhận lại tài sản, không có ý kiến đề nghị gì liên quan đến tài sản nên không đặt ra giải quyết.

[6] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 chiếc mỏ lết bằng kim loại màu trắng, dài khoảng 25 cm, phần tay cầm có bọc nhựa màu đỏ, thân tay cầm có dòng chữ USA YETI TOOLS; 01 chiếc kìm bấm, bằng kim loại màu vàng, có cán cầm bằng nhựa màu vàng (đều đã qua sử dụng) Cơ quan điều tra đã quản lý của bị cáo là công cụ thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu tiêu hủy; đối với 01 thẻ căn cước công dân số 034087006466 mang tên Vũ Đức V không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo; đối với 01 chiếc ví giả da màu đen, loại ví nam, hình chữ nhật, đã qua sử dụng và số tiền Việt Nam 1.240.000 đồng thu giữ của bị cáo là tài sản không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên cần trả lại bị cáo nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án; đối với

01 sợi dây chuyền bằng vàng tây, dài khoảng 25 cm (đã qua sử dụng), Hội đồng xét xử thấy đây là tài sản bị cáo đã sử dụng số tiền 1.900.000 đồng do trộm cắp được tại nhà chị L để mua sợi dây chuyền này cho vợ là chị Lò Thị M; chị M đã tự nguyện giao nộp lại sợi dây chuyền để phục vụ công tác điều tra, giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, bị cáo đề nghị bồi thường chiếc dây chuyền này cho chị L để đổi trừ số tiền mà bị cáo phải bồi thường cho chị, chị L đồng ý nhận sợi dây chuyền. Xét thỏa thuận này giữa bị cáo và chị L là tự nguyện, phù hợp quy định của pháp luật cần chấp nhận.

[7] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định.

[8] Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm e khoản 2 điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999; điều 38; điều 50; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 điều 52; điều 46; điều 47; điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015; điều 106; điều 135; điều 136 Bộ luật Tổ tụng hình sự năm 2015; điều 584; điều 585; điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015; điều 21; điều 23; điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14:

1. Tuyên bố bị cáo Vũ Đức V phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Vũ Đức V **06** (sáu) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 21/12/2017.

3. Về trách nhiệm dân sự:

3.1. Chấp nhận sự thỏa thuận của bị cáo và chị Phạm Thị L: Bị cáo bồi thường cho chị L 01 sợi dây chuyền bằng vàng tây, dài 25cm, trọng lượng 0,938 chỉ, trị giá 1.645.000 đồng (chiếc dây chuyền này Cơ quan điều tra Công an thành phố T đã chuyển sang Chi cục thi hành án dân sự thành phố T ngày 03/4/2018).

3.2. Buộc bị cáo Vũ Đức V phải bồi thường cho chị Lê Thị H số tiền 32.200.000 đồng; anh Phạm Anh Đ số tiền 18.000.000 đồng; ông Bùi Văn T số tiền 13.000.000 đồng; chị Cao Thị O số tiền 47.000.000 đồng; chị Phạm Thị L số tiền 41.772.500 đồng.

4. Về xử lý vật chứng:

4.1. Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc mỏ lết bằng kim loại màu trắng, dài khoảng 25 cm, phần tay cầm có bọc nhựa màu đỏ, thân tay cầm có dòng chữ USA YETI TOOLS; 01 chiếc kim bấm, bằng kim loại màu vàng, có cán cầm bằng nhựa màu vàng (đều đã qua sử dụng).

4.2. Trả lại bị cáo 01 thẻ căn cước công dân mang tên Vũ Đức V.

4.3. Trả lại bị cáo 01 chiếc ví giả da màu đen, loại ví nam, hình chữ nhật và số tiền 1.240.000 đồng nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo việc thi hành án.

4.4. Trả lại cho chị Phạm Thị L 01 chiếc lắc tay hình tròn (đường kính khoảng 5cm bằng kim loại màu vàng, có hình hoa văn, thân có bọc dạng đá màu xanh) đã qua sử dụng.

(Các vật chứng nêu trên Cơ quan điều tra Công an thành phố T đã chuyển sang Chi cục thi hành án dân sự thành phố T ngày 03/4/2018).

4.5. Chấp nhận việc Cơ quan điều tra tách 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Dream màu nâu, biển số 21V9-2361 thu giữ của bị cáo để tiếp tục điều tra, xác minh, xử lý sau.

5. Về án phí: Bị cáo Vũ Đức V phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 7.680.875 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo, bị hại có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 17/4/2018. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND TP.Thái Bình;
- Chi cục THADS TP.T;
- CQĐT CATP.Thái Bình;
- CQTHAHS CATP.T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Hồng Thái

